

Name:

Class: S2...

Tel: 034 200 9294

Ngày GV giao bài: Thứ....., ngày...../.....

Ngày HS nộp bài: Thứ....., ngày...../.....

Grammar:

Listening:

Mini Test:



GLOBAL ENGLISH 2

UNIT 5 - LET'S MEASURE - GRAMMAR REVISION

A. EXTRA VOCABULARY

No.	Words	Meaning	No.	Words	Meaning
1	CD player (n)	máy phát đĩa CD	3	forget (v) → forgot (v ₂)	quên
2	nothing (pronoun)	không có gì, chẳng có gì	4	amusement park (n phr.)	công viên giải trí

*Note: n = noun: danh từ; v = verb: động từ; v₂ = động từ dạng quá khứ đơn;

pronoun = đại từ; n phr. = noun phrase: cụm danh từ

*Con học thuộc nghĩa của từ, chính phát âm theo từ điển và chép mỗi từ 1 ĐỒNG vào vở ghi

B. HOMEWORK

I. Choose the correct answer. (Chọn đáp án đúng.)

- Last week, we _____ to the amusement park.
a. go **(b.) went** c. gone
- Yesterday, he _____ to the party.
a. came b. come c. comes
- Last night, my mom _____ pasta for dinner.
a. made b. make c. makes
- I _____ a story two days ago.
a. write b. writed c. wrote
- This morning, the kids _____ a big dog on the street.
a. see b. saw c. seen
- Last weekend, my dad _____ in a running race.
a. ran b. run c. running

II. Underline the correct option. (Gạch chân lựa chọn đúng.)

- It's too cold / cold too outside.
- The chicken is to / **too** salty.
- This bag is **too heavy** / heavy to.
- Amy is fast too / **too** fast.

4. The movie was **too** / **to** boring.
5. I can't eat this pizza. It's **too spicy** / **spicy too**!

III. Match the two halves. (Nối hai nửa câu với nhau.)

0. Yesterday, we went	0 - c	a. red hat.
1. This chair is	1 -	b. this morning.
2. Anna wears a big	2 -	c. to the zoo.
3. They drew a tiny	3 -	d. letter yesterday.
4. I saw a bird	4 -	e. green house.
5. They wrote a	5 -	f. too small.

IV. Complete the sentences with the correct adjective order. (Điền trật tự tính từ đúng vào câu.)

0. She has a **big red hat**. (red/big/hat)
1. I saw a _____ in the tree. (bird/yellow/small)
2. We find a _____ on the beach. (pink/tiny/shell)
3. He builds a _____. (white/large/snowman)
4. My sister loves her _____. (small/backpack/purple)
5. They played with a _____. (big/balloon/green)

V. Correct the mistakes in the sentences. (Sửa lỗi sai trong các câu sau.)

0. She writed a letter to her grandma yesterday.
→ She wrote a letter to her grandma yesterday.
1. They runned in the park yesterday.
→ _____
2. I goed to the shop this morning.
→ _____
3. We seeed a beautiful bird last week.
→ _____
4. My mom maked cookies last night.
→ _____
5. He drawed a big red house this afternoon.
→ _____

C. MOVERS LISTENING PRACTICE

Con hãy làm các bài nghe dưới đây theo link sau:
<https://on.soundcloud.com/E6Xb8BBhskWMZqYD9>

Pre-listening: Listen to the audio and fill in the blanks with the correct words from the conversation.
 (Nghe và điền vào chỗ trống với từ chính xác từ cuộc trò chuyện.)

orange	ice cream	carrot
sweets	bag	player

0. But my friends drink orange juice.
1. But she brought _____ juice!
2. She only had a _____ with nothing in it!
3. She brought _____.
4. Well, Charlie tried to make a cake but it wasn't good, so he brought a CD _____ so we could all dance.
5. Yes, but it was the _____ too!

Listening

Part 3

- 5 questions -

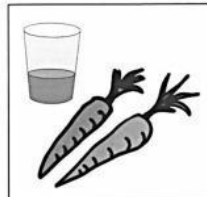
Jim is telling his mum about a party and what he and his friends brought for the party. What did each child bring?

Listen and write a letter in each box. There is one example.



Jim

E



A



B



Pat



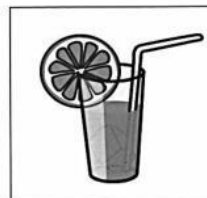
C



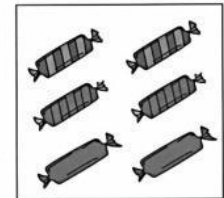
D



Sue



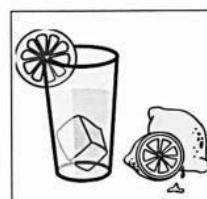
E



F



May



G



H



Charlie



Grace